

Số: /TTYT-YCBG

Mộc Hóa, ngày tháng 03 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Mộc Hóa, Long An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu ***Mua Hoá chất xét nghiệm năm 2025*** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Mộc Hóa
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Trần Duy Khánh, chức vụ Trưởng khoa Dược, Trung tâm Y tế huyện Mộc Hóa, số điện thoại: 0946333194, địa chỉ email: khanhduoc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:.

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược, Trung tâm Y tế huyện Mộc Hóa, Khu phố 2, Thị trấn Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, Long An

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 20 tháng 03 năm 2025 đến trước 14h ngày 30 tháng 03 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hoá chất xét nghiệm (đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Y tế huyện Mộc Hóa, Khu phố 2, Thị trấn Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, Long An
- Thời gian giao hàng dự kiến: quý II/2025
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán bằng chuyển khoản không quá 90 ngày kể từ khi nhận đầy đủ các chứng từ thanh toán của nhà cung cấp.

5. Các thông tin khác :

Các mặt hàng cung ứng phải có văn bản kèm theo chứng minh nguồn gốc xuất xứ đảm bảo chất lượng tốt đúng nhà sản xuất, hoặc giấy uỷ quyền từ nhà

cung cấp từ 70% trở lên hoặc cam kết cung ứng 100% các mặt hàng trong văn bản này.

Hoá chất phù hợp với từng loại máy theo danh mục kèm theo, hỗ trợ kỹ thuật khi cần thiết.

Hình thức mua sắm, dưới 300 triệu mua sắm thường xuyên từ nguồn thu của đơn vị.

Trên đây là yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Mộc Hóa, Long An, kính gửi các nhà sản xuất, nhà cung cấp hoá chất xét nghiệm y tế tại Việt Nam nếu có khả năng cung cấp vui lòng báo giá để đơn vị làm các bước tiếp theo mua sắm kịp thời đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh.

Xin chân chân thành ảm ơn!

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Ninh

Phụ lục

Kèm theo văn bản số: /YCBG, ngày 18/3/2025 của
Trung tâm Y tế huyện Mộc Hoá

1. Máy huyết học PKL PPC 610H

STT	Danh mục hàng hoá/ yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Ghi chú
1	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học PKL PPC 610H	Lít/ml	Thùng/can /chai/lọ	200	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
2	Dung dịch rửa dùng cho xét nghiệm huyết học PKL PPC 610H	Lít/ml	Thùng/can/c hai/lọ	160	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
3	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học PKL PPC 610H	Lít/ml	Thùng/can/c hai/lọ	10	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
4	Mẫu nội kiểm máy huyết học PKL PPC 610H	Lít/ml	Thùng/can/c hai/lọ	100	Phù hợp với dung dịch hoá chất xét nghiệm, quy cách tương đương $\pm 10-20\%$

2. Hoá sử dụng được cho máy sinh hoá Beckman Coulter AU480

Stt	Mặt hàng	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ml	Ghi chú
1	Định lượng Ure	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	Thùng/Hộp/chai /lọ/ống/túi/ml	750	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
2	Định lượng Creatinin	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Thùng/Hộp/chai /lọ/ống/túi/ml	1000	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
3	Đo hoạt độ AST (GOT)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng aspartate aminotransferase GOT (AST)	Thùng/Hộp/chai /lọ/ống/túi/ml	750	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$

4	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng alanine aminotransferase GPT (ALT)	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	750	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
5	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng gamma-glutamyl transferase (g-GT)	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	750	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
6	Định lượng Glucose	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	2000	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
7	Định Lượng Albumin	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	1000	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
8	Định lượng Triglyceride	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerides	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	1500	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
9	Định lượng Acid Uric	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Uric Acid	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	1500	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
10	Định lượng Bilirubin toàn phần	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	750	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
11	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	750	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
12	Định lượng Cholesterol toàn phần	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	1500	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
13	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL cholesterol	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	500	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
14	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	25	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$

15	Định lượng HDL - C (High density lipoprotein Cholesterol)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL cholesterol	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	1000	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
16	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	25	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
17	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL - Cholesteol	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa đa thành phần	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	50	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
18	Dung dịch rửa	Hóa chất rửa kim hút dùng trong xét nghiệm sinh hóa	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	1500	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
19	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	150	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
20	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa đa thành phần	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	400	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
21	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa đa thành phần	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	500	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$
22	Dung dịch rửa hệ thống sinh hóa	Hóa chất rửa hệ thống dùng trong xét nghiệm sinh hóa	Thùng/Hộp/chai /lọ/ônnng/túi/ml	15.000	Hoặc quy cách tương đương $\pm 10-20\%$